

PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP HỖN HỢP VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP HỖN HỢP TẠI KHOA NGOẠI NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

LÊ VIẾT THẮNG (*)

TÓM TẮT

Hiện nay, phương pháp Học tập hỗn hợp (Blended Learning - BL) đang được ứng dụng và phát triển nhanh chóng trong hầu hết các trường đại học tại Việt Nam. Nhiều đề tài nghiên cứu đang được triển khai tập trung giải quyết các vấn đề về thiết kế bài giảng, hình thức chuyển tải nội dung nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đầu ra của môn học, tuy nhiên, có rất ít đề tài nghiên cứu về những cơ chế, chính sách ở mức độ quản lý nhà trường nhằm hỗ trợ các giảng viên đang quan tâm muốn tiếp cận và thay đổi sang phương pháp BL. Bài viết này giới thiệu sơ lược về phương pháp BL, đồng thời, dựa trên kinh nghiệm triển khai thực tế tại khoa Ngoại ngữ của Trường Đại học Văn Lang, đúc kết ra những nhận định giai đoạn, mức độ áp dụng và kỹ thuật triển khai cho lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng các chính sách hỗ trợ cho nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên.

Từ khoá: học tập hỗn hợp, phương pháp học tập ngoại ngữ.

ABSTRACT

Recently, Blended Learning Method (BL) has been applying and developing rapidly in most of the universities in Vietnam. Many researching papers are focused on solving problems of teaching content design and delivery models to improve the out come quality of training course. However, there is very little research directly studying on the applied process, institution policies and encouragement from all university management levels to promote faculty to be interested in acceptance and change toward to the new method of BL. This article would like to introduce a general view of BL method, and based on experience and best practices of deployment at the Van Lang University, the article author desires to sum up the phases of applying roadmap, the applicable stages and deploying techniques in order to formulate an initial support policy of university management level to encourage an innovation progression of teaching method in global context of the international education integration.

Keywords: blended learning, foreign languages learning method.

1. DẪN NHẬP

Từ thập niên 90, khái niệm đào tạo từ xa đã được phát triển thành phương pháp nhằm thay thế cho phương pháp đào tạo truyền thống. Theo quan điểm của Moore và Kearsely (2011), đào tạo từ xa là sự giảng dạy trong đó sinh viên và giảng viên không

cùng tham gia trong cùng nội dung bài học. Internet ra đời đã được nhận định là điểm xuất phát lý tưởng cho đào tạo từ xa, nhưng thực tế đó cũng là điểm xuất phát của việc tách xa giữa sinh viên và giảng viên. Moore và Kearsely (2011) cũng đã phân loại đào

(*) Giảng viên chính, Thạc sĩ, Trường Đại học Văn Lang - Thành phố Hồ Chí Minh.

tạo từ xa thành năm thế hệ phát triển dựa trên công cụ truyền tải và mức độ tổ chức: phát thanh, truyền hình, chương trình đại học từ xa, đào tạo qua cầu truyền hình, website trên internet. Đặc điểm chung của năm thế hệ này là hoạt động dạy và học diễn ra trong khi sinh viên và giảng viên không có mặt tại cùng một địa điểm.

Sự phát triển mạnh mẽ của internet đã thúc đẩy các chương trình đào tạo từ xa phát triển rộng rãi và thuật từ mới đã được sinh ra “học tập trực tuyến” (Online Learning, E-Learning). Học trực tuyến được hiểu là sử dụng internet để truy cập tài liệu học tập, tương tác trực tuyến với các nội dung bài học và trao đổi trực tuyến với giảng viên và sinh viên khác. Nhiều đề tài đã được thực hiện nhằm nghiên cứu các mặt phát triển và ảnh hưởng của phương pháp học trực tuyến. Vì vậy, thời điểm đó, vấn đề môi trường học trực tuyến và môi trường học truyền thống cái nào tốt hơn trở thành một đề tài tranh luận.

Vào đầu những năm 2000, phương

Bảng 1: Số liệu phân loại theo năm (từ 1995 - 2015) của từ khóa “Blended Learning” trên công cụ Scholar Search của Google

Năm	Số lượng bài viết khoa học	Mức độ quan tâm
1995 - 2000	226	Chưa hình thành phương pháp, chỉ sử dụng như thuật trạng thái
2001 - 2005	6,530	Hình thành định nghĩa phương pháp và bắt đầu áp dụng
2006 - 2010	16,800	Triển khai ứng dụng rộng rãi và tập trung vào hiệu quả
2011 - 2015	17,200	Chuẩn hóa phương pháp và hình thành tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Theo số liệu trên, khái niệm “Blended Learning” được xuất hiện đầu tiên vào năm 2000. Cuối năm 2002, BL được các trường đại học nghiên cứu như một phương pháp mới. Năm 2006, BL đã được một số các trường đại học khuyến khích các giảng viên

pháp BL ra đời và trở thành tâm điểm quan tâm của các nhà giáo dục khi nghiên cứu về môi trường tốt nhất cho người học vì sự hài hòa và lợi ích nó đưa lại cho cả hai bên dạy và học trong quá trình học tập.

2. PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP HỖN HỢP (BLENDED LEARNING - BL)

2.1. Số liệu nghiên cứu về BL

Sự phát triển của phương pháp BL trên thế giới trong những năm qua có thể chứng minh được bằng việc tổng hợp các bài viết khoa học có từ khóa “Blended Learning” trên các cơ sở dữ liệu lớn như ProQuest, Computerdatabase, ScienceDirect and Google Scholar... những số liệu cụ thể đã cho thấy độ quan tâm của các nhà nghiên cứu về phương pháp BL đã tăng rất nhanh từ 10 năm trở lại đây và rộng khắp trên các châu lục.

Ví dụ, với số liệu được công cụ “Scholar Search” của Google cung cấp, chúng ta có được bảng số liệu tham khảo như sau:

ứng dụng. Giai đoạn 2011 - 2015, BL trở thành phương pháp tiêu chuẩn được áp dụng tại nhiều trường đại học trên thế giới.

2.2. Phương pháp BL - lý luận và vận dụng

Trong thời gian đầu hình thành (2000 - 2001), BL được các tập đoàn công nghệ cao tại Mỹ sử dụng trong các khóa học nâng cao cho nhân viên kỹ thuật với định nghĩa: phương pháp BL tập trung hoàn thiện các kết quả của mục tiêu học tập bằng cách áp dụng công nghệ học tập đúng cho hình thái học tập cá nhân đúng để chuyển tải những kỹ năng đúng cho đúng người và đúng thời gian (Centra Software, 2001).

Cùng thời điểm này, các nhà giáo dục đã nghiên cứu đưa BL vào chương trình học tại các trường tiểu học ở Mỹ (Cooney, 2000). Tiếp theo sau, Voci và Young (2001) đã xây dựng chương trình đào tạo đầu tiên áp dụng phương pháp BL trong thời gian 6 tháng với mục tiêu tận dụng lợi thế của giảng dạy có giáo viên và giảng dạy trực tuyến để tăng năng lực làm việc nhóm, xây dựng những khái niệm chung cho học tập theo nhóm. Sau thời điểm này, các nhà nghiên cứu bắt đầu quan tâm đến khái niệm BL và bắt đầu xuất hiện ý tưởng hỗ trợ phương pháp học tập trực tuyến với phương pháp học tập với giáo viên tại lớp, tuy nhiên vẫn chưa hình thành định nghĩa của phương pháp BL.

Giai đoạn 2003 - 2005 được gọi là giai đoạn hình thành định nghĩa về BL. Một trong những định nghĩa được nhiều bài viết dẫn chứng nhất là của Russel T. Osguthorpe và Charles R. Graham (2003), BL bao gồm học tập với giảng viên và hệ thống đào tạo từ xa nhằm tối ưu hóa lợi thế của cả hai phương pháp - sử dụng website cho những điều giảng viên làm tốt nhất. Ngoài ra, ba loại mô hình hỗn hợp khác nhau được giới thiệu để tạo những hoạt động học tập hỗn hợp khác nhau cho sinh viên và giảng viên. Trong mô hình đầu tiên, các sinh viên cùng tham gia hưởng lợi từ hai môi trường học với giảng viên và môi trường học trực tuyến. Mô hình thứ hai, sinh viên học trong lớp học với giảng viên sẽ trộn với sinh viên khác học trong môi trường trực tuyến. Trong mô hình thứ ba,

sinh viên trong lớp học với giảng viên sẽ học với những giảng viên khác thông qua hệ thống học trực tuyến (Osguthorpe, Graham, 2003).

Singh (2003) đã đưa ra nhận định có thể tạo hỗn hợp học trực tuyến (online) với học không trực tuyến (offline), tự học - học tập theo nhóm, học theo đề cương - học không theo đề cương, nội dung chọn lọc - đầy đủ nội dung, và hoạt động hỗ trợ cho thực hành và trình diễn. Thời điểm này, Singh đã nhận định rằng nếu công nghệ đổi mới trong tương lai, nhà trường sẽ hỗ trợ các chương trình học hỗn hợp thay cho các chương trình học chỉ sử dụng một phương pháp.

Năm 2006, Graham đã tổng hợp toàn diện phương pháp BL như nền tảng, định nghĩa, khuynh hướng, phân loại mô hình, thách thức và định hướng tương lai trong quyển sách của mình. Sau thời điểm này, BL chính thức trở thành phương pháp chuẩn và được phổ biến rộng rãi.

Giai đoạn từ 2007 - 2010, một số lượng lớn đề tài nghiên cứu đều tập trung vào việc mở rộng triển khai BL và đánh giá hiệu quả của phương pháp. Các nghiên cứu về hiệu quả phương pháp đã tập trung vào những yếu tố độc lập để đánh giá như sự hài lòng, thái độ, kỹ năng tư duy, hỗ trợ người học, mức độ tham gia, hoạt động tương tác, các tác động và khả năng vận dụng. Qua các đề tài trên, các nhà nghiên cứu đã đưa ra các mức đo lường về hiệu quả của phương pháp BL trên các tiêu chí khác nhau như động lực học tập, kết quả đầu ra, thái độ học tập, năng lực hợp tác, vận dụng kiến thức, kỹ năng tư duy và tỷ lệ đậu/rớt của sinh viên.

Qua thời điểm này, các tiêu chí đánh giá đã được cụ thể hóa trên từng lĩnh vực giảng dạy và cấp độ người học khác nhau. Các kết quả nghiên cứu ngày càng đúc kết những ưu điểm của phương pháp BL và không còn sự

hoài nghi nào đối với yêu cầu triển khai ở các tổ chức giáo dục trên thế giới.

Từ năm 2010 đến nay, số lượng bài nghiên cứu về phương pháp BL vẫn tiếp tục tăng cao và đi sâu vào đánh giá hiệu quả phương pháp (Bảng 1). Thêm vào đó, công nghệ đã có những bước tiến đột phá, giá thành thiết bị và các dịch vụ đã giảm ở mức thấp nhất. Sự phát triển bùng nổ của công nghệ di động và thiết bị cầm tay đã tạo cơ hội cho phương pháp BL đạt đến khả năng tối ưu hóa cao nhất từ trước đến nay. Phương pháp BL đã được đưa vào áp dụng gần như hầu hết các lĩnh vực đào tạo và đặc biệt người học ở bậc đại học được hưởng lợi ích nhiều nhất.

3. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP BL TẠI VIỆT NAM

Sự phát triển của phương pháp BL tại Việt Nam đã được khuyến khích áp dụng vào các bậc tiểu học, trung học cơ sở và trung học thông qua chương trình giảng dạy cho tương lai của Tập đoàn Intel, chương trình hỗ trợ giáo dục Việt Nam của Tập đoàn Microsoft. Các chương trình hỗ trợ này đã tạo nền tảng đổi mới phương pháp cho các trường học trong nước. Các kết quả đổi mới phương pháp của giáo viên phổ thông của Việt Nam đã được thế giới ghi nhận.

Đối với các trường cao đẳng và đại học, phương pháp BL chưa có được sự hỗ trợ toàn diện cho giảng viên cũng như nhà trường như ở bậc phổ thông. Các trường đang tự tìm hiểu và triển khai với quy mô rất khác nhau và đã có hoạt động triển khai phương pháp BL và đã đạt được những kết quả cụ thể, ví dụ như: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học FPT, Trường Đại học Hoa Sen.

Hiện nay, Bộ Giáo dục - Đào tạo khuyến khích các trường cao đẳng và đại học tham

gia mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á về đảm bảo chất lượng (AUN-QA) để đăng ký kiểm định các chương trình đào tạo. Theo các tiêu chí kiểm định chương trình, việc đánh giá chất lượng chương trình sẽ thông qua phương pháp giảng dạy. Chọn lựa một phương pháp giảng dạy chuẩn hiện đại cho chương trình đào tạo là điều quan trọng nhất ở giai đoạn hội nhập quốc tế và phát huy triệt để chất lượng của nội dung chương trình. Với sự phát triển ngày càng hoàn thiện của công nghệ hỗ trợ và động cơ học tập ngày càng nâng cao của người học, phương pháp BL là một sự lựa chọn lý tưởng.

4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG TRIỂN KHAI PHƯƠNG PHÁP BL

Trong giai đoạn chuẩn bị ban đầu, người thực hiện cần tìm hiểu rõ về lý thuyết BL, nghiên cứu các bài viết chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận trao đổi với những nơi đã tổ chức thành công phương pháp BL. Trước khi bắt đầu đổi mới phương pháp đào tạo, người thực hiện cần xác định rõ với người quản lý đơn vị hai vấn đề như sau:

- Xác định và cung cấp một cách chi tiết những vấn đề người quản lý cần hiểu rõ để hướng dẫn đơn vị tiếp nhận sự thay đổi phương pháp và đồng ý hỗ trợ triển khai.
- Xác định những vấn đề liên quan ảnh hưởng đến kế hoạch, mô hình đào tạo và sự hỗ trợ để người quản lý ước lượng được trong tiến trình triển khai phương pháp BL.

Nhiệm vụ thuyết phục các giảng viên cùng bộ môn đồng thuận với sự thay đổi phương pháp rất khó khăn. Qua nghiên cứu của Rogers (2003) về sự đồng thuận của cá nhân hay một tổ chức để chấp nhận và triển khai sự đổi mới sáng tạo, có 5 bước để triển khai:

1. Tạo ra nhu cầu: xác định rõ những thách thức của đơn vị để cần tạo ra nhu cầu của đổi mới phương pháp.

2. Lựa chọn: xác định phương pháp đổi mới đáp ứng được thách thức của đơn vị.

3. Cấu trúc lại: điều chỉnh phương pháp đổi mới để phù hợp với sự thay đổi của đơn vị.

4. Công khai hóa: nhằm kiểm tra các mối quan hệ giữa phương pháp đổi mới và đơn vị.

5. Củng cố nhận thức và lập lộ trình thực hiện: tiến hành phương pháp đổi mới như một phần công việc bình thường của đơn vị và định kỳ đánh giá hiệu quả và các tác động để củng cố nhận thức.

Sau khi đã đạt được sự đồng thuận của tập thể giảng viên và đơn vị, quá trình thực hiện sẽ được chia làm ba giai đoạn. Việc xác định các giai đoạn này là cần thiết cho việc lập kế hoạch hậu cần hỗ trợ đầy đủ cho công tác triển khai đổi mới phương pháp.

- Giai đoạn 1: nhận biết và quan tâm.

- Giai đoạn 2: đồng thuận và bắt tay triển khai.

- Giai đoạn 3: triển khai ổn định và phát triển.

Đạt được sự đồng thuận, chiến lược rõ ràng và sự hỗ trợ đầy đủ, lúc này người thực

hiện cần cân nhắc mô hình thiết kế nội dung hỗn hợp để truyền tải theo điều kiện hạ tầng kỹ thuật và điều kiện hỗ trợ. Thiết kế mô hình cần phù hợp với đặc điểm môn học, cấp độ của sinh viên, năng lực của giảng viên và mong muốn đầu ra của môn học. Theo nghiên cứu của Alammary, Sheard, Carbone (2014), có 3 mức độ xây dựng thiết kế nội dung theo phương pháp BL.

- Mức hỗn hợp thấp: đưa một số hoạt động tăng cường vào nội dung sẵn có của chương trình.

- Mức hỗn hợp trung bình: thay thế một số hoạt động trong nội dung có sẵn của chương trình.

- Mức hỗn hợp cao: xây dựng lại từ đầu tất cả nội dung của chương trình.

- Một trong những yếu tố quyết định sự thành công cho triển khai phương pháp BL là xác định chính xác mức hỗn hợp nào cần áp dụng. Bảng mô tả sau đây liệt kê các yếu tố để giúp người thực hiện chọn mức độ phù hợp cho việc thiết kế môn học BL.

Bảng 2: Các mức độ BL

Mức hỗn hợp thấp	Mức hỗn hợp trung bình	Mức hỗn hợp cao
Giảng viên chưa có kinh nghiệm thiết kế và phát triển khóa học BL	Giảng viên đã từng thiết kế và phát triển khóa học BL	Giảng viên đã có vài năm kinh nghiệm về thiết kế và phát triển cho khóa học BL
Giảng viên chưa có kinh nghiệm giảng dạy bằng phương pháp truyền thống	Giảng viên đã từng giảng dạy bằng phương pháp truyền thống	Giảng viên đã giảng dạy bằng phương pháp truyền thống qua vài năm
Giảng viên có ít hiểu biết về công nghệ tích hợp đa phương tiện	Giảng viên có kiến thức tốt về công nghệ tích hợp đa phương tiện	Giảng viên có năng lực tốt về công nghệ tích hợp đa phương tiện
Giảng viên không tự tin với công nghệ tích hợp đa phương tiện	Giảng viên có tự tin với công nghệ tích hợp đa phương tiện	Giảng viên có tự tin cao với công nghệ tích hợp đa phương tiện
Không có sự hỗ trợ từ phía nhà trường	Có sự hỗ trợ từ phía nhà trường	Nhà trường quan tâm hỗ trợ cao

5. KẾT LUẬN

Phương pháp BL đã được rất nhiều trường đại học trên thế giới chọn làm phương pháp tiêu chuẩn. Hiệu quả của phương pháp BL mang lại cho nhà trường, giảng viên và sinh viên đã được chứng minh rõ ràng và khoa học. Phương pháp BL được triển khai đã phát huy tối đa hiệu quả của cả phương pháp học với giảng viên và phương

pháp học trực tuyến, vươn đến tiêu chí: học mọi nơi và mọi lúc với chi phí thấp và hiệu quả cao. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế của ngành giáo dục hiện nay, các trường cao đẳng và đại học nên khuyến khích các giảng viên áp dụng phương pháp BL vào giảng dạy để đáp ứng nhu cầu học tập ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Moore, M., G., & Kearsley, G. (2011). *Distance education: A systems view of online learning* (3rd ed.). Wadsworth: Cengage Learning, (Chapter 2).
2. Harvi Singh & Chris Reed (2001). A White Paper: Achieving Success with Blended Learning, Centra Software, 3-4.
3. Cooney, M.H., Gupton, P., & O'Laughlin, M. (2000). Blurring the lines of play and work to create blended classroom learning experiences. *Early Childhood Education Journal*, 27(3), 165-171.
4. Voci, E., & Young, K. (2001). Blended Learning working in a leadership development programme. *Industrial and Commercial Training*, 33(5), 157-160.
5. Osguthorpe, R.E., Graham, C.R. (2003). Blended Learning environments. Definitions and directions. *The Quarterly Review of Distance Education*, 4(3), 227-233.
6. Graham, C. R. (2006). Blended Learning systems: Definitions, current trends and future directions. In C. J. Bonk, & C. R. Graham (Eds.), *The Handbook of Blended Learning: Global perspectives, local designs* (pp. 3-21). San Francisco: Pfeiffer.
7. Rogers, E. (2003). *Diffusion of innovations* (5th ed.). New York, NY: Free Press.
8. Ali Alammary, Judy Sheard, Angela Carbone (2014). Blended Learning in higher education: Three different design approaches, *Australasian Journal of Educational Technology*, 30(4).

Ngày nhận bài: 14/7/2015. Ngày biên tập xong: 24/7/2015. Duyệt đăng: 28/7/2015